|  |  |
| --- | --- |
| **HỘI ĐỒNG NHÂN DÂNTỈNH THANH HÓA** | **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc** |
| Số:  /2025/NQ-HĐND |  *Thanh Hóa, ngày  tháng   năm 2025* |

**DỰ THẢO**

**NGHỊ QUYẾT**

**V/v quy định chính sách tín dụng ưu đãi thông qua Chi nhánh Ngân hàng Chính sách xã hội tỉnh trên địa bàn tỉnh Thanh Hóa, giai đoạn 2025-2030**

*Căn cứ Luật Tổ chức Chính quyền địa phương ngày 19 tháng 02 năm 2025;*

*Căn cứ Luật ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 19 tháng 02 năm 2025;*

*Căn cứ Luật ngân sách nhà nước ngày 25 tháng 6 năm 2015;*

*Căn cứ Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Chứng khoán, Luật Kế toán, Luật Kiểm toán độc lập, Luật Ngân sách nhà nước, Luật Quản lý tài sản công, Luật Quản lý thuế, Luật Thuế thu nhập cá nhân, Luật Dữ trữ quốc gia, Luật Xử lý vi phạm hành chính ngày 29 tháng 11 năm 2024;*

*Căn cứ Luật Đầu tư công ngày 29 tháng 11 năm 2024;*

*Căn cứ Luật việc làm ngày 16 tháng 11 năm 2013;*

*Căn cứ Luật Nhà ở ngày 27 tháng 11 năm 2023;*

*Căn cứ Nghị quyết số 111/2024/QH15 ngày 18 tháng 01 năm 2024 của Quốc hội về một số cơ chế, chính sách đặc thù thực hiện các chương trình mục tiêu quốc gia;*

*Căn cứ Nghị định số 78/2025/NĐ-CP ngày 01 tháng 4 năm 2025 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp để tổ chức, hướng dẫn thi hành Luật ban hành văn bản quy phạm pháp luật;*

*Căn cứ Nghị định số 78/2002/NĐ-CP ngày 04 tháng 10 năm 2002 của Chính phủ về tín dụng đối với người nghèo và các đối tượng chính sách khác;*

*Căn cứ Nghị định số 61/2015/NĐ-CP ngày 09 tháng 7 năm 2015 của Chính phủ quy định chính sách hỗ trợ tạo việc làm và Quỹ quốc gia về việc làm;*

*Căn cứ Nghị định số 74/2019/NĐ-CP ngày 23 tháng 9 năm 2019 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 61/2015/NĐ-CP ngày 09/7/2015 của Chính phủ;*

*Căn cứ Nghị định số 100/2024/NĐ-CP ngày 26 tháng 7 năm 2024 quy định chi tiết một số điều của Luật nhà ở về phát triển và quản lý nhà ở xã hội;*

*Căn cứ Quyết định số 22/2023/QĐ-TTg ngày 17 tháng 8 năm 2023 của Thủ tướng Chính phủ về tín dụng đối với người chấp hành xong án phạt tù;*

*Căn cứ Quyết định số 12/2024/QĐ-TTg ngày 31 tháng 7 năm 2024 của Thủ tướng Chính phủ về cơ chế, chính sách giải quyết việc làm và đào tạo nghề cho người có đất thu hồi;*

*Căn cứ Thông tư số 11/2017/TT-BTC ngày 08 ngày 02 năm 2017 của Bộ Tài chính quy định về quản lý và sử dụng nguồn vốn ngân sách địa phương ủy thác qua NHCSXH để cho vay đối với người nghèo và các đối tượng chính sách khác;*

*Xét Tờ trình số /TTr-UBND ngày tháng năm 2025 của UBND tỉnh; Báo cáo thẩm tra số /BC-KTBS ngày tháng năm 2025 của Ban Kinh tế - Ngân sách, Hội đồng nhân dân tỉnh; ý kiến thảo luận của đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh tại kỳ họp;*

*Hội đồng nhân dân ban hành Nghị quyết quy định chính sách tín dụng ưu đãi thông qua Chi nhánh Ngân hàng Chính sách xã hội tỉnh trên địa bàn tỉnh Thanh Hóa, giai đoạn 2025-2030.*

**Điều 1. Phạm vi điều chỉnh**

Nghị quyết này quy định việc ủy thác nguồn vốn ngân sách địa phương để thực hiện chính sách tín dụng ưu đãi thông qua Chi nhánh Ngân hàng Chính sách xã hội tỉnh trên địa bàn tỉnh Thanh Hóa.

**Điều 2. Đối tượng áp dụng**

1. Người nghèo và các đối tượng chính sách khác theo Điều 2 Nghị định số 78/2002/NĐ-CP ngày 04/10/2002 của Chính phủ về tín dụng đối với người nghèo và các đối tượng chính sách khác.

2. Người chấp hành xong án phạt tù theo Quyết định số 22/2023/QĐ-TTg ngày 17/8/2023 của Thủ tướng Chính phủ về tín dụng đối với người chấp hành xong án phạt tù;

3. Người có đất thu hồi theo Quyết định số 12/2024/QĐ-TTg ngày 31/7/2024 của Thủ tướng Chính phủ về cơ chế, chính sách giải quyết việc làm và đào tạo nghề cho người có đất thu hồi.

4. Các đối tượng vay vốn để giải quyết việc làm, duy trì và mở rộng việc làm theo Nghị định số 61/2015/NĐ-CP ngày 09/7/2015 của Chính phủ quy định chính sách hỗ trợ tạo việc làm và Quỹ quốc gia về việc làm; Nghị định số 74/2019/NĐ-CP ngày 23/9/2019 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 61/2015/NĐ-CP ngày 09/7/2015.

5. Các đối tượng vay vốn để mua, thuê mua nhà ở xã hội, nhà ở cho lực lượng vũ trang nhân dân; xây dựng hoặc cải tạo, sửa chữa nhà ở theo Điều 76 Luật nhà ở năm 2023 và Nghị định số 100/2024/NĐ-CP ngày 26/7/2024 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Nhà ở về phát triển và quản lý nhà ở xã hội.

6. Các tổ chức do thanh niên thành lập và làm chủ (doanh nghiệp nhỏ và vừa, hợp tác xã, tổ hợp tác, hộ kinh doanh...) có nhu cầu vay vốn để mở rộng sản xuất kinh doanh trong những lĩnh vực mà pháp luật không cấm; người lao động là đoàn viên, thanh niên đang cư trú hợp pháp tại địa phương có nhu cầu vay vốn để mở rộng sản xuất kinh doanh trong những lĩnh vực mà pháp luật không cấm. Trong đó, đoàn viên, thanh niên dưới 40 tuổi, có đăng ký thường trú từ đủ 12 tháng trở lên trên địa bàn tỉnh Thanh Hóa, đang tham gia sinh hoạt Đoàn, Hội Liên hiệp thanh niên Việt Nam. Ưu tiên cho đoàn viên, thanh niên có dự án phát triển sản xuất, kinh doanh, tận dụng, phát huy thế mạnh của địa phương, đóng góp vào sự nghiệp phát triển nông nghiệp, nông thôn, nông dân, xây dựng nông thôn mới.

7. Các đối tượng thuộc chương trình tín dụng chính sách xã hội khác do Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ ban hành.

**Điều 3. Quy trình chuyển nguồn vốn**

Quy trình chuyển nguồn vốn ngân sách địa phương hàng năm ủy thác để thực hiện chính sách tín dụng ưu đãi thông qua Chi nhánh Ngân hàng chính sách xã hội tỉnh: Hình thức cấp phát bằng lệnh chi tiền; hạch toán chi ngân sách nhà nước theo mục lục ngân sách nhà nước hiện hành.

**Điều 4. Mức cho vay, thời hạn cho vay, lãi suất cho vay, quy trình, thủ tục cho vay, bảo đảm tiền vay, quản lý và sử dụng lãi cho vay.**

1. Đối với các đối tượng quy định tại khoản 1, 2 , 3, 4, 5, 7 Điều 2: Thực hiện theo quy định của Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ và hướng dẫn của Ngân hàng chính sách xã hội từng thời kỳ.

2. Đối với các đối tượng quy định tại khoản 6 Điều 2:

a) Mức vay tối đa không quá 80% tổng nhu cầu vốn của dự án và không vượt quá mức vay tối đa được quy định tại khoản 2 Điều 1 Nghị định số 74/2019/NĐ-CP ngày 23/9/2019 của Chính sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 61/2015/NĐ-CP ngày 09/7/2015 và các văn bản hướng dẫn khác có liên quan.

b) Lãi suất cho vay, quy trình nghiệp vụ cho vay: Theo lãi suất và quy trình nghiệp vụ chương trình cho vay hỗ trợ việc làm, duy trì và mở rộng việc làm theo Nghị định số 61/2015/NĐ-CP ngày 9/7/2015 của Chính phủ và Nghị định số 74/2019/NĐ-CP ngày 23/9/2019 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 61/2015/NĐ-CP ngày 09/7/2015.

c) Quản lý và sử dụng số lãi cho vay: Số lãi thu được được quản lý và sử dụng như sau:

- Trích lập quỹ dự phòng rủi ro: 5%

- Trích bổ sung vốn gốc để cho vay: 20%

- Chi phí quản lý: 75%, bao gồm:

+ 60% chi phí quản lý của Chi nhánh Ngân hàng Chính sách xã hội tỉnh để chi trả hoa hồng cho tổ tiết kiệm, tổ chức Hội, đoàn thể nhận ủy thác; hoạt động của Ban đại diện Hội đồng quản trị Ngân hàng Chính sách Xã hội.

+ 15% chi cho công tác chỉ đạo, quản lý, tổng hợp, kiểm tra, giám sát, tập huấn, khen thưởng của Ban chỉ đạo.

**Điều 5. Xử lý nợ**

Thủ tục, hồ sơ, thẩm quyền phê duyệt xử lý nợ: Thực hiện theo quy định của Ngân hàng Chính sách xã hội trong từng thời kỳ.

**Điều 6. Nguồn kinh phí thực hiện**

 Nguồn vốn đầu tư công trung hạn và hàng năm, vốn đầu tư phát triển khác, nguồn kinh phí thường xuyên ủy thác qua Chi nhánh Ngân hàng Chính sách xã hội tỉnh Thanh Hóa để cho vay.

 **Điều 7. Quy định khác**

 Các điều, khoản nêu trên được quy định theo các văn bản đang có hiệu lực đến thời điểm ban hành. Trường hợp sau này Chính phủ, các Bộ, ban, ngành có sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế thì được cập nhật theo các quy định mới (trong trường hợp Nghị quyết mới chưa ban hành).

**Điều 8. Tổ chức thực hiện**

1. Ủy ban nhân dân tỉnh căn cứ Nghị quyết này và các quy định của pháp luật hiện hành, tổ chức triển khai, thực hiện.

2. Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh, các ban của Hội đồng nhân dân tỉnh, các tổ đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh và đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh trong phạm vi nhiệm vụ, quyền hạn của mình, giám sát việc thực hiện Nghị quyết này.

Nghị quyết này đã được Hội đồng nhân dân tỉnh Thanh Hóa khóa ……, kỳ họp thứ …..thông qua ngày…..tháng……..năm 2025 và có hiệu lực thi hành kể từ ngày tháng năm 2025./.

|  |  |
| --- | --- |
| ***Nơi nhận:***- Như Điều 8;- Ủy ban Thường vụ Quốc hội;- Chính phủ;- Văn phòng: Quốc hội; Chính phủ;- Bộ Tài chính; - Cục Kiểm tra VBQPPL - Bộ Tư pháp;- Thường trực Tỉnh ủy;- Đoàn Đại biểu Quốc hội tỉnh;- Ngân hàng Chính sách xã hội Việt Nam;- Ủy ban MTTQ tỉnh và các đoàn thể cấp tỉnh;- Các VP: Tỉnh ủy, Đoàn ĐBQH và HĐND tỉnh, UBND tỉnh;- Các sở, ban, ngành, đoàn thể cấp tỉnh;- Công báo tỉnh;- Lưu: VT, KTNS. | **CHỦ TỊCH** |